

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ LA GI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 599/GPMT-UBND

La Gi, ngày 27 tháng 12 năm 2022

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ LA GI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của
Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Chi nhánh Liên hiệp
Hợp tác xã Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh - Co.opmart La Gi tại Văn bản số
15/2022/CVMT-CO.OPMART ngày 07 tháng 11 năm 2022 về việc đề nghị cấp giấy
phép môi trường của cơ sở “Siêu thị Co.opmart La Gi” và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Tài nguyên và môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Chi nhánh Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành
phố Hồ Chí Minh - Co.opmart La Gi có địa chỉ liên hệ tại đường Thống Nhất, khu
phố 4, phường Tân Thiện, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận được thực hiện các hoạt
động bảo vệ môi trường của cơ sở “Siêu thị Co.opmart La Gi” với các nội dung
như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên Cơ sở: “Siêu thị Co.opmart La Gi”

1.2. Địa điểm hoạt động: đường Thống Nhất, khu phố 4, phường Tân Thiện,
thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh: 0301175691-019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư
tỉnh Bình Thuận cấp lần đầu ngày 18/11/2015 và thay đổi lần 03 ngày 09/12/2021.

1.4. Mã số thuế: 0301175691.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: mua sắm tổng hợp và giải trí.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất: Tổng diện tích đất của Cơ sở là 9.988,55m²; trong đó, đầu tư xây dựng với quy mô 01 tầng trệt, với tổng diện tích sàn 4.046m² và các công trình phụ trợ khác như: nhà xe, sân bãi, cây xanh, các công trình bảo vệ môi trường (hệ thống xử lý nước thải, khu chứa chất thải nguy hại và chất thải rắn),... Tổng mức đầu tư của cơ sở là 48,2 tỷ.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Chi nhánh Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh - Co.opmart La Gi có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

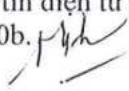
2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

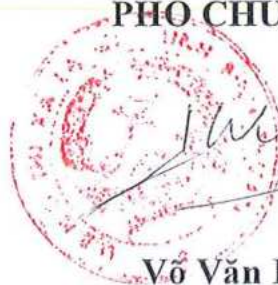
Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (kể từ ngày ký Giấy phép này).

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật. /: 

Nơi nhận:

- Chi nhánh LHHTX TM TP Hồ Chí Minh - Co.opmart La Gi;
- Sở TN&MT;
- CT, các Phó CT. UBND thị xã;
- Phòng TN&MT; Phòng QLĐT; Phòng Kinh tế;
- UBND phường Tân Thiện;
- Trang thông tin điện tử thị xã;
- Lưu VT. N10b. 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Văn Hoàn

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 3599/GPMT-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2022 của UBND thị xã La Gi)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải: nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động nhân viên và người tiêu dùng đến mua hàng hóa, sản phẩm của siêu thị.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sau khi xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A – quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, sau đó bơm ra hệ thống mương thoát nước thải chung của thị xã tại khu phố 4, đường Thống Nhất, phường Tân Thiện, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận (phía trước siêu thị), sau đó thoát ra biển.

2.2. Vị trí xả nước thải: Tại khu phố 4, đường Thống Nhất, phường Tân Thiện, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam. Có tọa độ VN2000 X= 1.180.172; Y=418.802.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 50m³/ngày đêm, trung bình 2,08m³/giờ.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: bơm cưỡng bức theo đường ống D60, chiều dài 103,5m, thoát ra mương thoát nước thải chung của thị xã nằm cạnh đường Thống Nhất, sau đó thoát ra biển.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: liên tục 24/24 giờ

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, k=1,0)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5 - 9	06 tháng/lần
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	30	06 tháng/lần
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50	06 tháng/lần

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, k=1,0)	Tần suất quan trắc định kỳ
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500	06 tháng/lần
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1,0	06 tháng/lần
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	5,0	06 tháng/lần
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	30	06 tháng/lần
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	10	06 tháng/lần
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5,0	06 tháng/lần
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	6,0	06 tháng/lần
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	3.000	06 tháng/lần

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Mạng lưới thu gom nước thải: Nước thải được thu gom theo đường ống bê tông cốt thép có đường kính dao động từ 125mm- 200mm, độ dốc 0,5%, tổng chiều dài 129,5m để đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cơ sở.

- Mạng lưới thoát nước thải: Nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, sau đó bơm cưỡng bức theo đường ống D60, chiều dài 103,5m, thoát ra mương thoát nước thải chung của thị xã nằm cạnh đường Thống Nhất

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý nước thải của hệ thống xử lý nước thải: Nước thải sau khi được xử lý sơ bộ → Bể điều hòa → Bể thiếu khí Anoxic → Bể sinh học hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bồn lọc áp lực → Bể khử trùng. Nước thải sinh hoạt sau xử lý đạt (QCVN 14:2008/BTNMT, cột A), sau đó bơm ra hệ thống mương thoát nước thải chung của thị xã dọc theo đường Thống Nhất.

- Công suất thiết kế của hệ thống xử lý nước thải: 50 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Hóa chất khử trùng, giá thể vi sinh,...

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: cơ sở không thuộc đối tượng quan trắc tự động, liên tục.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Để phòng ngừa trường hợp xảy ra sự cố thiết bị, đối với các thiết bị chính (máy thổi khí, bơm chìm, bơm trục ngang, máy khuấy chìm và bơm định lượng) đều được lắp đặt mỗi vị trí 02 thiết bị hoạt động theo chế độ luân phiên 01 thiết bị chạy, 01 thiết bị nghỉ. Khi có 01 thiết bị gặp sự cố phải ngưng hoạt động, thiết bị còn lại được kích hoạt động.

- Hệ thống điện để kết nối máy móc thiết bị sao cho cao hơn công suất thực tế của máy móc thiết bị, nhằm hạn chế quá trình hoạt động quá tải dẫn đến dây dẫn điện bị cháy nổ.

- Công tác vận hành hệ thống xử lý nước thải được nhân viên vận hành thực hiện hàng ngày, kiểm tra tình trạng hoạt động của toàn bộ máy móc thiết bị và các bồn bể, ghi nhận các dấu hiệu bất thường và các sự cố để khắc phục kịp thời, đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định và liên tục theo đúng quy trình xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Cơ sở không thuộc trường hợp phải vận hành thử nghiệm, được quy định tại điểm h, khoản 1, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Nghị định Chính Phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Vận hành thường xuyên hệ thống xử lý nước thải tập trung bảo đảm nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn môi trường.

3.3. Chủ Cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi xả nước thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 2

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 3599 /GPMT-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2022 của UBND thị xã La Gi)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. **Nguồn phát sinh:** Tiếng ồn, rung phát sinh từ máy phát điện dự phòng.
2. **Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:** tại máy phát điện dự phòng. Có tọa độ VN2000 X= 1.180.204; Y=418.865.
3. **Tiếng ồn, độ rung:** phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn QCVN 26:2010/BTNMT và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung QCVN 27:2010/BTNMT, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	55	45	06 tháng/lần	Khu vực máy phát điện dự phòng
2	55	45	06 tháng/lần	Trạm xử lý nước thải
3	70	55	06 tháng/lần	Khu kinh doanh, mua sắm, ăn uống

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	60	55	06 tháng/lần	Khu vực máy phát điện dự phòng

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Máy phát điện dự phòng đặt trong phòng cách âm.
- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng rung: đế của máy phát điện dự phòng đặt các lớp cao su để hạn chế độ rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Yêu cầu chủ Cơ sở thường xuyên bảo trì máy phát điện để tăng tuổi thọ của máy phát điện cũng như giảm thiểu tiếng ồn, độ rung ra môi trường xung quanh.

2.3. Chủ Cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi vượt quá giới hạn tiếng ồn, độ rung theo yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 3

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1599. /GPMT-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2022 của UBND thị xã La Gi)

A. YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

- Chất thải nguy hại phát sinh gồm bóng đèn huỳnh quang, hộp mực in, pin, ắc quy, dầu nhớt, giẻ lau dính dầu nhớt...

- Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh: khoảng 151kg/năm.

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tối đa khoảng 145kg/ngày, tương đương tối đa 4.350kg/tháng. Thành phần chủ yếu là thức ăn dư thừa, bao bì, hộp đựng thức ăn, vỏ chai nhựa, kim loại, thủy tinh, giấy và các loại khác.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: thùng nhựa cứng, có nắp đậy; đảm bảo đủ số lượng thùng chứa riêng cho từng loại chất thải nguy hại.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Diện tích kho/khu vực lưu chứa: 7,0 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa: Toàn bộ chất thải nguy hại được thu gom, phân loại, lưu chứa trong các thiết bị lưu chứa bằng nhựa có dung tích 10 lít/thùng (riêng bóng đèn huỳnh quang thải được chứa trong thùng nhựa có dung tích 220l) và lưu trữ tạm thời trong kho lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại có diện tích 7,0m² (khu vực lưu giữ, bao bì, thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại phải đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại Điều 35 Thông tư số 02/2022/TTBTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường).

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: thùng nhựa cứng, có nắp đậy, đảm bảo đủ số lượng để lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt phát sinh. Thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của địa phương.

2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Diện tích kho/khu vực lưu chứa: 6,0 m²
- Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa: Chất thải rắn sinh hoạt được phân loại và lưu chứa vào các bao bì theo quy định bố trí tại các khu vực dịch vụ, khu vực ăn uống,... sau đó được tập trung về kho lưu chứa chất thải rắn thông thường có diện tích 6,0 m² (*nền tráng xi măng, có khu vực che chắn nước mưa*).

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thu gom, vận chuyển, xử lý các loại chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong quá trình hoạt động của Cơ sở đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Tuân thủ các yêu cầu về an toàn lao động, phòng cháy, chữa cháy và các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong quá trình xây dựng và hoạt động Cơ sở theo các quy định pháp luật hiện hành./.

